TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19/3/2025
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Dự
2. Bà Ngôn Thị Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị Đ, sinh năm: 1999.
Địa chỉ: Xóm BCD, xã TP, huyện TK, tỉnh CB. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đàm Văn G, sinh năm: 1997.
Địa chỉ: Xóm PR- KH, xã QT, huyện TK, tỉnh CB. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án Chị Nông Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện TK, tỉnh CB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2019, ngày 19/11/2019.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung anh Đàm Văn G thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm vợ con, không tu chí làm ăn, hay ghen tuông. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được tình trạng, chị và anh G đã ly thân từ năm 2022. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đàm Văn G.

Về con chung: Chị Đ và anh G có 01 con chung là cháu: Đàm Mạnh Q sinh ngày: 07/4/2020. Khi ly hôn, chị Đ đề nghị giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn G và chị Đ tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau đúng như chị Đ đã trình bày.

Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc từ lúc cưới đến khi con chung được khoảng 3 tuổi thì chị Đ đi làm công nhân và có quan hệ yêu đương với người đàn ông khác, 2 vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của Chị Nông Thị Đ thì anh G đồng ý.

Về con chung: Anh Đàm Văn G và chị Đ có 01 con chung là cháu Đàm Mạnh Q, sinh ngày 07/4/2020 đúng như chị Đ đã trình bày.

Khi ly hôn, anh Đàm Văn G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Mạnh Q; Về cấp dưỡng: Anh Đàm Văn G yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng 01 lần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh về tình trạng Hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng chị Nông Thị Đào và anh Đàm Văn G ngày 05/3/2025, tại xóm PR - KH và có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện TK: Chị Đ và anh G kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện TK. Sau đó cùng nhau chung sống tại xóm PR – KH, QT, TK, CB, sau khi chị Đ sinh con vào khoảng cuối năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2022 chị Đ đi làm công nhân thì lễ, tết cũng không thấy về nhà Gia đình anh G hiện nay có bố, mẹ đẻ và cháu Q, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo trong xóm. Về điều kiện

chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu nhỏ theo mức trung bình một tháng tại địa phương là khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Chị Đ giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh G, sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, các vấn đề khác không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh G nhất trí ly hôn với chị Đ, và đồng ý việc nuôi con chung như ý kiến chị Đ trình bày, về mức cấp dưỡng nuôi con, anh không nhất trí với ý kiến của chị Đ, anh yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng một lần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), các vấn đề khác không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng:

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G;

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh G về việc giao con chung Đàm Mạnh Q, sinh ngày 07/4/2020 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành,

- Về mức cấp dưỡng chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và nguyên đơn phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nông Thị Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết về ly hôn đối với bị đơn anh Đàm Văn G có đăng ký thường trú và cư trú tại xóm PR - KH, xã QT, huyện TK, tỉnh CB nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau năm 2019, được Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện TK, tỉnh CB cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 10/2019, ngày 19/11/2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Từ khi đến hôn năm 2019 chị Đ và anh G chung sống hạnh phúc đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung anh G hay tụ tập bạn bè, bỏ bê vợ con nhiều khi chửi mắng vợ con, không chăm lo làm ăn; hay ghen tuông. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt hơn, anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đàm Văn G.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Đ và anh G đã đến mức không thể hàn gắn, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh G và chị Đ đều nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh G.

Về con chung: Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G có 01 con chung là cháu Đàm Mạnh Q, sinh ngày 07/4/2020.

Khi ly hôn, chị Đ và anh G thống nhất giao con chung là cháu Đàm Mạnh Q, sinh ngày 07/4/2020 cho anh G trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu Đàm Mạnh Q đã ở với anh G từ khi chị Đ đi làm công nhân cho đến nay. Chị Đ và anh G đều thống nhất giao cháu Q cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, việc thỏa thuận này là tự nguyện nên hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Đ và anh G về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh G không nhất trí và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng một lần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng mà chị Đ đưa ra là phù hợp với tình hình thực tế mức chi phí trung bình để nuôi dưỡng, chăm sóc một đứa trẻ tại địa phương, thu nhập và khả năng thực tế của chị Đ. Căn cứ, theo biên bản xác minh ngày 05/3/2025 tại xóm Pác Rình – Kéo Háo và có xác nhận của chính quyền địa phương (xã Quang Trung) thì mức chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với một đứa trẻ tại địa phương là khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng một tháng, việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là của cả cha và mẹ trong trường hợp ly hôn thì bên không trực tiếp nuôi con sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, do đó mức cấp dưỡng mà chị Đ đưa ra là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu mức cấp dưỡng một lần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà anh G đưa ra là vượt quá thu nhập, khả năng thực tế của chị Đ là người có nghĩa vụ cấp dưỡng do đó không có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nông Thị Đ, Anh Đàm Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, Chị Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G.

[2]. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh G về việc giao cháu Đàm Mạnh Q, sinh ngày 07/4/2020 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nông Thị Đ và anh Đàm Văn G xác nhận không có, không yêu cầu. Toà án không giải quyết.

[4].*Về án phí*: Chị Nông Thị Đ, anh Đàm Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn mỗi người 75.000 đồng. Chị Nông Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận Chị Nông Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0002746 ngày 22/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[5]. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn Chị Nông Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian nghị án bị đơn Đàm Văn G tự ý bỏ về không có lý do chính đáng, không xin phép Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử tuyên bản án

vắng mặt anh G, anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THA dân sự huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Quang Trung;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lý Thị Hoài